

Mục lục

1. Sự cần thiết phải xây dựng Bộ quy tắc chứng cứ riêng	2
2. So sánh Quy tắc chứng cứ IBA v. Quy tắc Prague v. Hướng dẫn về chứng cứ của CIETAC v. Quy tắc chứng cứ trong Bộ luật TTDS 2015	7
3. Đề xuất đối với VIAC cũng như các tổ chức trọng tài Việt nam.....	34
3.1. Thỏa thuận trong PO1 (standard form).....	34
3.2. Quy định về thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT trong Quy tắc VIAC.....	35
3.3. Ban hành Bộ quy tắc Chứng cứ của VIAC và quy định cơ chế opt-out linh hoạt.....	36
3.4. Hình thức ban hành và triển khai: kết hợp linh hoạt giữa quy tắc chính thức và hướng dẫn mềm (Commentary/Practice note)	41
Kết luận.....	41
Tài liệu tham khảo	43

Nghiên cứu khả năng xây dựng bộ Quy tắc Chứng cứ cho các trung tâm Trọng tài Việt Nam

TTV. Nguyễn Mạnh Dũng¹ & Th.S Đào Linh Chi²

1. Sự cần thiết phải xây dựng Bộ quy tắc chứng cứ riêng

Hiện nay, Luật Trọng tài Thương mại 2010 (LTTTM 2010) của Việt Nam và Quy tắc Tổ tụng trọng tài của VIAC chưa có quy định cụ thể về việc thu thập và đánh giá chứng cứ trong tổ tụng trọng tài. LTTTM 2010 chỉ đề cập đến thẩm quyền thu thập chứng cứ của Hội đồng Trọng tài (HĐTT) tại Điều 46, còn Quy tắc VIAC hiện hành (Điều 19) cũng chỉ quy định rằng HĐTT có quyền “*triệu tập nhân chứng, trưng cầu giám định hoặc yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ*”. Trong Quyết định 373/2022/QĐ-PQTT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 3 năm 2022, Tòa án cũng nhận định rằng “*việc xem xét chứng cứ do một bên hoặc các bên cung cấp hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại Điều 46 Luật Trọng tài thương mại*”, như vậy đây là quyền mà không phải nghĩa vụ thu thập chứng cứ của Hội

¹ Trọng tài viên, Luật sư Nguyễn Mạnh Dũng có hơn 30 năm hành nghề trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và tại tòa án. Ông đã tham gia giải quyết nhiều tranh chấp phức tạp trong nhiều lĩnh vực như mua bán hàng hóa quốc tế, hàng hải và bảo hiểm hàng hải các giao dịch xuyên biên giới, tranh chấp năng lượng và xây dựng, v.v. Ông Dũng hiện là trọng tài viên toàn thời gian và được ghi danh tại nhiều trung tâm trọng tài uy tín như VIAC, SIAC, KCAB International, HIAC, SHAC, HKIAC và là Trọng tài viên Việt Nam đầu tiên của Trung tâm trọng tài Hàng hải Singapore (SCMA). Đồng thời, ông Dũng cũng là người Việt Nam đầu tiên trở thành thành viên của Tòa án Trọng tài Quốc tế ICC, và hiện là thành viên Nhóm công tác về ADR và Trọng tài của ICC.

Ông Dũng cũng tham gia tích cực trong các hoạt động xây dựng pháp luật. Ông là thành viên ban soạn thảo Luật Trọng tài thương mại 2010, Nghị quyết số 22/2017/NĐ-CP về Hòa giải thương mại và Sổ tay pháp luật về Trọng tài và Hòa giải. Ông hiện đang là Phó chủ tịch Hội đồng khoa học của VIAC và tham gia vào quá trình soạn thảo, sửa đổi Quy tắc tổ tụng và các văn bản quan trọng của Trung tâm.

² Chi là Thạc sĩ luật chuyên ngành Giải quyết Tranh chấp Quốc tế và So sánh của Trường Trọng tài quốc tế, Trường Luật Queen Mary, Đại học tổng hợp Luân Đôn (Vương quốc Anh). Tại đây, Chi học tập và nghiên cứu chuyên sâu vào các lĩnh vực trọng tài và hòa giải quốc tế.

Hiện tại, Đào Linh Chi là Trợ lý Trọng tài viên của ADR Vietnam Chambers, hỗ trợ các Hội đồng Trọng tài trong các vụ tranh chấp tại các tổ chức trọng tài trong nước và quốc tế với đa dạng các lĩnh vực như xây dựng, mua bán hàng hóa quốc tế, M&A. Ngoài ra, Chi tham gia tích cực vào việc hỗ trợ Trọng tài viên, Luật sư Nguyễn Mạnh Dũng trong các dự án nghiên cứu.

đồng Trọng tài³. Luật Trọng tài thương mại 2010 có điều khoản qu định về quyền thu thập chứng cứ, nhưng không có điều khoản nào xác định rõ thẩm quyền của HĐTT trong việc đánh giá chứng cứ (quyết định chứng cứ nào được chấp nhận, chứng cứ nào là liên quan hay trọng yếu). Điều này tạo ra một khoảng trống đáng kể, bởi lẽ việc đánh giá chứng cứ là trọng tâm của quá trình giải quyết tranh chấp nhưng pháp luật lại chưa trao quyền rõ ràng cho trọng tài viên, tương tự như quy định tại Điều 19(2) Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của UNCITRAL⁴ và Điều 27.4 Quy tắc tổ tụng trọng tài UNCITRAL⁵.

Do thiếu quy định cụ thể, trong thực tiễn tổ tụng trọng tài tại VIAC đã nảy sinh nhiều bất cập liên quan đến chứng cứ. Thứ nhất, HĐTT không có các tiêu chí để đánh giá chứng cứ, trong khi chứng cứ lại là một căn cứ để hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, căn cứ hủy phán quyết liên quan đến chứng cứ được quy định tại Điều 68.2(d) Luật TTTM 2010: “*phán quyết bị hủy nếu chứng cứ mà HĐTT dựa vào để ra phán quyết là giả mạo*”. Trên thực tế đã có những vụ tranh

³ Quyết định số 373/2022/QĐ-PQTT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 3 năm 2022 truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta1338201t1cvn/3732022PQTTmahoa.pdf>

⁴ Điều 19(2) Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của UNCITRAL quy định:

Article 19. Determination of rules of procedure

(1) Subject to the provisions of this Law, the parties are free to agree on the procedure to be followed by the arbitral tribunal in conducting the proceedings.

(2) Failing such agreement, the arbitral tribunal may, subject to the provisions of this Law, conduct the arbitration in such manner as it considers appropriate. The power conferred upon the arbitral tribunal includes the power to determine the admissibility, relevance, materiality and weight of any evidence.

https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-09955_e_ebook.pdf

⁵ Điều 27.4 Quy tắc tổ tụng trọng tài UNCITRAL quy định:

Evidence

Article 27.

[...]

4. The arbitral tribunal shall determine the admissibility, relevance, materiality and weight of the evidence offered.

https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/21-07996_expedited-arbitration-e-ebook.pdf

chấp trong đó có một bên phản đối chứng cứ do bên kia nộp với lý do chứng cứ đó không tồn tại hoặc không xác thực. Đây là vấn đề tính xác thực/tính chấp nhận được (admissibility) của chứng cứ. Tuy nhiên, vì luật không trao rõ thẩm quyền cho HĐTT quyết định vấn đề này nên HĐTT thiếu cơ sở pháp lý và tiêu chí để đưa ra quyết định về chứng cứ. Tương tự, có vụ tranh chấp mà mỗi bên nộp vào hồ sơ hàng trăm chứng cứ, nhưng không phải chứng cứ nào cũng liên quan hoặc có giá trị. Lẽ ra HĐTT nên được quyền loại bỏ không xem xét các chứng cứ không liên quan (irrelevant) hoặc lặp lại nhiều lần, nhưng do chưa có quy tắc về tính liên quan nên về nguyên tắc HĐTT vẫn phải xem xét tất cả. Điều này dẫn đến thực trạng các HĐTT thường e ngại và tránh liệt kê cụ thể những chứng cứ chủ chốt được sử dụng trong phán quyết, vì sợ rằng nếu bỏ sót không đề cập chứng cứ nào sẽ bị bên thua kiện có để khiếu nại. Trong khi đó, ở một số trung tâm trọng tài khác như SIAC, HĐTT được yêu cầu liệt kê rõ trong phán quyết những chứng cứ đã sử dụng để làm căn cứ ra phán quyết, đảm bảo tính minh bạch⁶.

Để xử lý các tình huống như vậy, một số HĐTT đã áp dụng *Quy tắc của IBA về Thu thập bằng chứng trong trọng tài quốc tế (“IBA Rules”)* như một luật mềm để đánh giá chứng cứ và thường đưa vào Chỉ thị về thủ tục số 1. Tuy nhiên, cách làm này cũng có rủi ro liên quan đến hủy phán quyết. Trên thực tế, đã có ít nhất một quyết định hủy PQT là Quyết định số 11/2019/QĐ-PQT ban hành bởi Tòa án Nhân dân Hà Nội ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo đó Tòa án cho rằng HĐTT căn cứ vào Quy tắc IBA để hạn chế xem xét những tài liệu chứng cứ mà bị đơn đã giao nộp trong quá trình tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và vi phạm nghiêm trọng tố tụng trọng tài⁷. Ngoài ra, Quy tắc IBA cũng chưa thực sự phổ biến trong các Hội đồng Trọng tài Việt Nam nên việc áp dụng mang tính cục bộ và không thống nhất.

Do chưa có quy tắc chứng cứ riêng, các trọng tài viên tại VIAC thiếu sự thống nhất trong cách tiếp cận vấn đề chứng cứ. Một số HĐTT và luật sư đã quen thuộc với thông lệ trọng tài quốc tế nên chủ động thỏa thuận với các bên để áp dụng IBA Rules như một nguồn luật mềm nhằm lấp

⁶ Danh sách kiểm tra phán quyết trọng tài của SIAC (bản dịch của ADR Vietnam Chambers): https://www.academia.edu/129229897/DANH_S%C3%81CH_KI%E1%BB%82M_TRA_PH%C3%81N_QUY%E1%BA%BET_TR%E1%BB%8CNG_T%C3%80I_C%E1%BB%A6A_SIAC, bản tiếng Anh gốc của SIAC: <https://siac.org.sg/siac-award-checklist>

⁷ Quyết định số 11/2019 của TAND TP. Hà Nội ngày 14/11/2019: <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta428188t1cvn/chi-tiet-ban-an>

khoảng trống. Tuy nhiên, không phải vụ nào cũng làm được điều này, và cũng không phải trọng tài viên nào cũng biết hoặc thành thạo IBA Rules. Theo một khảo sát năm 2015 của IBA, Quy tắc Chứng cứ IBA là soft law được sử dụng phổ biến nhất, chiếm khoảng 57% số vụ trọng tài quốc tế được báo cáo trong khảo sát. Mặc dù vậy, ở Việt Nam việc sử dụng IBA Rules còn hạn chế và mang tính tự phát, không đồng bộ. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán: có hội đồng áp dụng IBA, có hội đồng lại xét theo thói quen tố tụng tòa án, tạo nên sự không dự đoán trước được cho các bên tranh chấp.

Ngoài ra, do trọng tài không có quy tắc riêng về chứng cứ, Tòa án khi xét đơn hủy phán quyết thường chiếu sang các quy định của BLTTDS 2015 để xem xét các vấn đề liên quan đến chứng cứ. Tuy nhiên, những quy tắc của BLTTDS được thiết kế cho tòa án (mô hình tố tụng xét hỏi (inquisitorial) và có quyền lực công hỗ trợ), chứ không phù hợp hoàn toàn với trọng tài (mô hình linh hoạt, tôn trọng sự thỏa thuận và bình đẳng). Việc “vá chỗ trống” bằng cách áp dụng BLTTDS dẫn tới nguy cơ đồng nhất trọng tài với tòa án, mất đi các ưu việt của trọng tài như tính linh hoạt, bảo mật và thân thiện với thương mại. Do đó, đây không phải giải pháp lâu dài. Thay vào đó, VIAC cần chủ động xây dựng Bộ Quy tắc hoặc Hướng dẫn về chứng cứ của riêng mình, vừa để phù hợp với pháp luật Việt Nam, vừa tiếp thu thông lệ trọng tài quốc tế tốt nhất, giúp cho hoạt động tố tụng trọng tài được vận hành hiệu quả và an toàn hơn.

Việc quy định về chứng cứ trong quy tắc tố tụng hoặc có những tài liệu dưới dạng hướng dẫn thực hành (Practice notes) hay thậm chí là ban hành quy tắc chứng cứ riêng không phải điều mới lạ và đã được nhiều tổ chức trọng tài quốc tế đã thực hiện. Trong các quy tắc trọng tài, thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT thường được đưa vào để làm cơ sở cho HĐTT quản lý chứng cứ. UNCITRAL đã đưa nguyên tắc về chứng cứ vào Luật Mẫu và Quy tắc tố tụng của mình như đề cập ở trên, tạo nền tảng pháp lý để các trung tâm trọng tài nội địa (như VIAC) học hỏi. ICC dù không có bộ quy tắc chứng cứ ICC riêng, nhưng từ lâu họ đã ban hành các hướng dẫn và báo cáo thực tiễn giúp quản lý hiệu quả việc cung cấp chứng cứ. Chẳng hạn, Ủy ban Trọng tài ICC có báo cáo năm 2016 về Quản lý chứng cứ điện tử (Managing E-Document Production)⁸ và báo cáo năm

⁸ ICC Arbitration Commission Report on Managing E-Document Production (2016): <https://iccwbo.org/news-publications/arbitration-adr-rules-and-tools/icc-arbitration-commission-report-on-managing-e-document-production/>

2018 về Kiểm soát thời gian và chi phí tố tụng⁹ – trong đó khuyến nghị các cách thức thu hẹp phạm vi tài liệu yêu cầu, sử dụng kỹ thuật số để sàng lọc chứng cứ, v.v. SIAC Rules 2025 quy định tại Điều 32.3 rằng HĐTT có toàn quyền đánh giá chứng cứ (tương tự UNCITRAL). SIAC cũng yêu cầu trọng tài viện dẫn rõ các chứng cứ được sử dụng trong phần quyết định của phán quyết để đảm bảo tính minh bạch.

Đặc biệt, CIETAC đã ban hành Hướng dẫn về chứng cứ CIETAC năm 2015 trên cơ sở học hỏi từ IBA Rules và các quy tắc trong tố tụng tòa án Trung Quốc để giúp các HĐTT và các bên tranh chấp quản lý chứng cứ một cách hiệu quả. Quy tắc trọng tài CIETAC 2024 còn có quy định cho phép HĐTT tự mình áp dụng Hướng dẫn chứng cứ CIETAC, trừ khi các bên có thỏa thuận khác (cơ chế opt-out). Việc học hỏi từ CIETAC là một phương án VIAC nên cân nhắc bởi như đã phân tích phía trên, Luật Trọng tài thương mại và các Quy tắc tố tụng của các tổ chức trọng tài tại Việt Nam, trong đó có VIAC cũng gặp vấn đề tương tự. Do đó Tòa án buộc phải dựa vào quy tắc chứng cứ của tố tụng dân sự để đưa ra quyết định. Do đó nếu tổ chức trọng tài có quy tắc chứng cứ riêng thì Tòa án sẽ không cần tham chiếu đến các quy tắc của tố tụng tại tòa án nữa, quy tắc chứng cứ của trung tâm trọng tài sẽ là sự bổ khuyết cho việc thiếu quy định của Luật Trọng tài thương mại.

⁹ ICC Arbitration Commission Report on Techniques for Controlling Time and Costs in Arbitration (2018): <https://iccwbo.org/news-publications/arbitration-adr-rules-and-tools/icc-arbitration-commission-report-on-techniques-for-controlling-time-and-costs-in-arbitration/>

2. So sánh Quy tắc chứng cứ IBA¹⁰ v. Quy tắc Prague¹¹ v. Hướng dẫn về chứng cứ của CIETAC¹² v. Quy tắc chứng cứ trong Bộ luật TTDS 2015

STT	Vấn đề	IBA Rules	Prague Rules	CIETAC Guidelines	Bộ luật TTDS
1	Mục tiêu, định hướng	Ban hành bởi Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) nhằm đưa ra quy tắc chung về thu thập chứng cứ, tạo sân chơi bình đẳng cho các bên trong trọng tài quốc tế. IBA Rules cố gắng kết hợp yếu tố của cả hệ thống thông luật và dân luật, dù trên thực tế thường được cho là thiên về thông luật hơn. Đây là bộ quy tắc về chứng cứ phổ biến và được nhiều bên lựa	Được xây dựng bởi nhóm chuyên gia chủ yếu từ hệ thống dân luật (civil law) và ban hành tháng 12/2018, với mục tiêu tăng hiệu quả, giảm chi phí tố tụng trọng tài. Prague Rules được đề xuất như một phương án thay thế cho IBA Rules, nhấn mạnh cách tiếp cận thẩm vấn (inquisitorial) đậm chất dân luật. Triết lý của Prague Rules là khắc phục tình trạng trọng tài	Được Ủy ban Trọng tài Kinh tế và Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC) ban hành lần đầu năm 2015 nhằm hỗ trợ các bên, luật sư và hội đồng trọng tài xử lý chứng cứ hiệu quả hơn. CIETAC Guidelines được soạn thảo kết hợp các nguyên tắc chứng cứ trong tố tụng tòa án tại Trung Quốc, thực tiễn trọng tài của	BLTTDS 2015 có Chương VII quy định về “ <i>Chứng minh và chứng cứ</i> ” trong tố tụng tòa án. Tuy nhiên, mục tiêu của các quy định này chỉ nhằm phục vụ xét xử tại Tòa án nhân dân. Pháp luật tố tụng Việt Nam mang bản chất dân luật, đề cao việc Tòa án chủ động làm sáng tỏ sự thật vụ án. Các quy định tập trung vào: quyền và

¹⁰ IBA Rules on the Taking of Evidence in International Arbitration 2020: <https://www.ibanet.org/MediaHandler?id=def0807b-9fec-43ef-b624-f2cb2af7cf7b> (IBA Rules)

¹¹ Prague Rules on the Efficient Conduct of Arbitration Proceedings 2018: <https://jsumundi.com/en/document/rule/en-rules-on-the-efficient-conduct-of-proceedings-in-international-arbitration-2018-pragues-rules-2018> (Prague Rules)

¹² China International Economic and Trade Arbitration Commission Guidelines on Evidence 2024: <https://www.cietac.org/en/articles/25113> (CIETAC Guidelines)

		chọn áp dụng trong trọng tài quốc tế.	tiêu tốn thời gian, chi phí do hội đồng trọng tài chưa chủ động, bằng cách đưa ra các hướng dẫn thiên về dân luật, hạn chế bớt thủ tục kiểu thông luật.	CIETAC với tham khảo IBA Rules. Vì vậy, Hướng dẫn này phối hợp các nguyên tắc của cả hệ thống dân luật và thông luật về chứng cứ. Mục đích là tạo ra bộ quy tắc chứng cứ phù hợp với trọng tài tại Trung Quốc nhưng tiệm cận thông lệ quốc tế.	nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự, trình tự tòa thu thập chứng cứ, và nguyên tắc tòa đánh giá chứng cứ theo quy định pháp luật.
2	Các vấn đề chính được quy định	– Tham vấn về chứng cứ (Art. 2 Consultation on Evidentiary Issues) – Tài liệu, văn bản (Art. 3 Documents) – Nhân chứng sự việc (Art. 5 Witnesses of Fact) – Chuyên gia (Art. 5 Party-appointed Experts; Art. 6 Tribunal-Appointed Experts); – Kiểm định (Art. 7 Inspection)	– Vai trò/thẩm quyền chung của HĐTT (Art.2 Proactive role of the Arbitral Tribunal; (Art. 3 Fact finding) – Tài liệu, văn bản (Art. 4 Documentary Evidence) – Nhân chứng sự việc (Art. 5 Fact Witness) – Chuyên gia (Art. 6 Experts)	– Nghĩa vụ chứng minh (Art.1 Assumption of the Burden of Proof; Art. 2 Facts not Requiring Proof; Art. 3 Default of the Respondent); – Trình tự, thu thập và trao đổi chứng cứ (Art. 4 Submission of Evidence by the Parties; Art. 5 Time Period for the	– Nghĩa vụ chứng minh (Điều 91); – Nghĩa vụ của đương sự (Điều 96); – Xác minh, thu thập chứng cứ (Điều 97); – Lời khai, nhân chứng (Điều 98, 99, 100); – Giám định, thẩm định, định giá, thẩm định giá

	– Hearing về chứng cứ (Art. 8 Evidentiary Hearing) – Thẩm quyền đánh giá chứng cứ và tiêu chí xác định tính chấp nhận được của chứng cứ (Art. 9 Admissibility and Assessment of Evidence) Như vậy, có thể thấy, IBA Rules tập trung khai thác các vấn đề liên quan đến chứng cứ một cách chi tiết, như quá trình thu thập chứng cứ, nhân chứng/chuyên gia/kiểm định, việc đánh giá chứng cứ của HĐTT, phiên họp xem xét chứng cứ.	– Thẩm quyền tự áp dụng luật mà HĐTT thấy cần thiết (Art. 7 <i>Iura Novit Cura</i>) – Hearing (Art. 8 Hearing) – Hỗ trợ thương lượng, hòa giải (Art. 9) – Suy đoán bất lợi, Phân bổ chi phí (Art. 10 Adverse Inference; Art. 11 allocation of Costs) – Thảo luận nội bộ (Art. 12 Deliberation) Như vậy, đúng như cái tên: <i>Tiến hành tố tụng trọng tài hiệu quả (Efficient conduct of proceedings in international arbitration)</i>, Prague Rules quy định về nhiều khía cạnh để hỗ trợ quá trình tiến hành tố tụng trọng tài, không chỉ tập trung	Submission of Evidence; Art. 6 Documentary Evidence; Art. 7 Request to Produce; Art. 8 Witnesses of Fact; Art. 9 Expert Reports; Art. 10 Inspection and Appraisal; Art. 11 Request to Produce or Collection of Evidence by the Tribunal; Art. 12 Preservation of Evidence; Art. 13 Methods of Exchanging Evidence Article 14 Translation of Documents) – Kiểm tra chứng cứ bởi các bên (Art.15 Parties' Opinions on Evidence;	(Điều 101, 102, 103, 104); – Đánh giá chứng cứ của Tòa (Điều 108)
--	---	---	--	--

			vào chứng cứ. Ngoài ra, có thể thấy qua các quy định của Prague Rules là bộ quy tắc này nhấn mạnh vào tính chủ động của HĐTT trong việc điều hành tố tụng	Art. 16 Examination of Documents; Art. 17 Examination of Witnesses, Experts, Inspectors and Appraisers) – Đánh giá chứng cứ của HĐTT (Art. 18 General Principle; Art. 19 Inadmissibility; Art. 20 Documents without Originals; Art. 21 Statement of a Witness Who Fails to Appear for Examination at the Hearing; Art. 22 Factual Statement Prejudicial to the Party Making the Statement; Art. 23 Adverse Inferences;	
--	--	--	--	--	--

				Art. 24 Standard of Proof) Có thể thấy, CIETAC Guidelines cũng giống như IBA Rules, chỉ tập trung vào các vấn đề liên quan đến chứng cứ và quy định rất cụ thể, bởi đây là Hướng dẫn về chứng cứ, một văn bản bổ sung chuyên biệt về chứng cứ bên cạnh bộ Quy tắc trọng tài CIETAC 2024.	
3	Hiệu lực áp dụng	Không tự động áp dụng: IBA Rules chỉ có hiệu lực nếu các bên thỏa thuận chọn áp dụng (toàn bộ hoặc một phần), hoặc hội đồng trọng tài và các bên cùng đồng ý. Không có quy định cho phép hội đồng trọng tài tự ý áp dụng IBA Rules nếu các bên	Giống IBA	Theo Quy tắc trọng tài CIETAC, CIETAC Guidelines chỉ áp dụng khi cả hai bên cùng đồng ý chọn (cơ chế “opt-in”). Do đó trước đây Hướng dẫn này ít được dẫn chiếu trong các vụ việc tại CIETAC.	Tổ tụng tại tòa án phải tuân thủ BLTTDS, không có khái niệm “luật mềm” tùy chọn. Các bên không thể thỏa thuận bỏ qua hay thay thế quy định BLTTDS bằng quy tắc khác. Do đó, hiệu lực các điều khoản chứng cứ trong BLTTDS là bắt buộc áp dụng

		không thoả thuận. Nói cách khác, đây là bộ quy tắc mềm để tham khảo, không mặc nhiên ràng buộc nếu không được dẫn chiếu trong thỏa thuận trọng tài hoặc đồng ý trong quá trình tố tụng.		Tuy nhiên, Quy tắc trọng tài CIETAC 2024 cho phép hội đồng trọng tài tự quyết định áp dụng Hướng dẫn (toàn bộ hoặc một phần) nếu các bên không phản đối (Điều 41.4). Dù vậy, văn bản Hướng dẫn vẫn không phải là một phần của Quy tắc tố tụng chính thức, nên việc không tuân thủ Hướng dẫn sẽ không phải là cơ sở hủy phán quyết hay từ chối công nhận phán quyết ¹³ .	đối với mọi vụ việc dân sự tại Tòa. Trong trọng tài, nếu VIAC không có quy tắc riêng thì khi cần, Tòa án sẽ áp dụng BLTTDS như để xem xét chứng cứ.
4	Thẩm quyền của HĐTT về	<i>Trao toàn quyền cho HĐTT quyết định chứng cứ:</i> Điều 9.1 quy định “HĐTT sẽ quyết định tính chấp nhận được, tính liên quan, tính	<i>Đề cao vai trò chủ động của HĐTT:</i> Điều 3.1 quy định: “Hội đồng Trọng tài có quyền và được khuyến khích đóng vai trò chủ	<i>Trao toàn quyền cho HĐTT quyết định chứng cứ:</i> Điều 18 quy định: “Hội đồng Trọng tài, theo toàn quyền quyết định của mình, sẽ xác	<i>Tòa án có toàn quyền đánh giá xem tài liệu gì được coi là “chứng cứ” và giá trị của chúng.</i> Điều 93 BLTTDS quy định:

¹³ Nguyên văn Điều 41.4 CIETAC Rules: “Unless otherwise agreed by the parties, the arbitral tribunal may decide to apply in whole or in part the CIETAC Guidelines on Evidence (“Guidelines on Evidence”) to hear the case. However, the Guidelines on Evidence do not constitute an integral part of these Rules.”

	đánh giá chứng cứ	<i>trọng yếu và trọng lượng của chứng cứ</i> ¹⁴ . HĐTT có thể loại trừ hoặc chấp nhận chứng cứ theo đánh giá của mình, không bị ràng buộc bởi quy tắc chứng cứ quốc gia. Việc áp dụng IBA Rules thường dựa trên thỏa thuận các bên hoặc hướng dẫn của HĐTT trong Thủ tục sơ bộ số 1	<i>động trong việc xác định các tình tiết của vụ việc mà Hội đồng cho là có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, điều này không làm miễn trừ các bên khỏi nghĩa vụ chứng minh của mình</i> ¹⁵ . Quy định này nhấn mạnh mô hình tố tụng thẩm vấn, khuyến khích HĐTT tự mình tích cực trong việc xác minh sự thật và thu thập chứng cứ. Quy tắc này	<i>định tính chấp nhận được, tính liên quan, tính trọng yếu và trọng lượng của chứng cứ</i> ¹⁶ . Quy định này tương thích hoàn toàn với Điều 9.1 IBA Rules	Điều 93. Chứng cứ Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và <u>được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách</u>
--	--------------------------	--	--	--	---

¹⁴ Nguyên văn Điều 9.1 IBA Rules:

“Article 9 Admissibility and Assessment of Evidence

1. The Arbitral Tribunal shall determine the admissibility, relevance, materiality and weight of evidence.

[...]”

¹⁵ Nguyên văn Điều 3.1 Prague Rules: “*The Arbitral Tribunal is entitled and encouraged to take an active role in establishing the facts of the case which it considers relevant for the resolution of the dispute. This, however, shall not release the Parties from their burden of proof*”

¹⁶ Nguyên văn Điều 18 CIETAC Guidelines:

“Article

18

General

Principle

The Tribunal, in its sole discretion, shall determine the admissibility, relevance, materiality and weight of evidence.”

			không liệt kê lại các tiêu chí “admissibility/relevance/, materiality/weight” – vì mặc nhiên HĐTT có quyền quyết định chứng cứ nào cần thiết, chứng cứ nào được chấp nhận và giá trị của các chứng cứ.		<u>quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự</u> là có căn cứ và hợp pháp. Như vậy, Thẩm phán/HĐXX có toàn quyền trong việc đánh giá chứng cứ. Tòa sẽ quyết định tài liệu, lời khai nào được coi là chứng cứ hợp lệ và giá trị của chúng. Điều 108 BLTTDS quy định việc đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác; tòa án phải xem xét từng chứng cứ và mối liên hệ giữa các chứng cứ, từ đó khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan và giá trị chứng minh của từng chứng cứ¹⁷. Nói cách khác,
--	--	--	--	--	---

¹⁷ Nguyên văn Điều 108 BLTTDS 2015 quy định:

					tòa án vừa có quyền thu thập, vừa có quyền sàng lọc, đánh giá chứng cứ.
5	Quy trình thu thập tài liệu (Document Production)	<i>Có quy trình “Request to Produce” chặt chẽ:</i> IBA Rules dành Điều 3 quy định chi tiết về yêu cầu cung cấp tài liệu. Một bên muốn bên kia xuất trình tài liệu phải gửi Đơn yêu cầu Cung cấp tài liệu (Request to Produce) nêu rõ tài liệu cụ thể, mô tả chi tiết	<i>Hạn chế tối đa việc yêu cầu tài liệu:</i> Prague Rules thể hiện rõ quan điểm “no discovery”: “ <i>Nhìn chung, HĐTT phải tránh việc thu thập nhiều chứng cứ, kể cả e-discovery</i> ” (Điều 4.2) ²¹ . Theo đó, quá trình thu thập chứng cứ không đương nhiên diễn ra. Bên	<i>Cho phép yêu cầu cung cấp tài liệu:</i> Tương tự IBA Rules, Điều 7 CIETAC Guidelines quy định một bên có thể yêu cầu hội đồng chỉ thị bên kia xuất trình một chứng cứ cụ thể hoặc một nhóm chứng cứ hẹp, xác định rõ ràng. Bên	Tổ tụng Tòa án không có thủ tục “một bên yêu cầu bên kia xuất trình tài liệu” giống trọng tài quốc tế. Theo BLTTDS, mỗi bên có nghĩa vụ tự cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình (Điều 6, Điều 91

Điều 108. Đánh giá chứng cứ

1. Việc đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác.
2. Tòa án phải đánh giá từng chứng cứ, sự liên quan giữa các chứng cứ và khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ.

²¹ Nguyên văn Điều 4.2 Prague Rules:

“Article 4. Documentary Evidence

[...]

4.2. Generally, the Arbitral Tribunal shall avoid extensive production of documents, including any form of e-discovery.”

		(tác giả, ngày tháng, nội dung) ¹⁸ và giải thích tài liệu đó liên quan, trọng yếu ra sao ¹⁹ , đồng thời khẳng định bên yêu cầu không tự có tài	muốn yêu cầu tài liệu được khuyến nghị trình bày điều này tại phiên CMC để HĐTT cân nhắc. Nếu HĐTT đồng ý thì thủ tục thu thập chứng cứ sẽ được	yêu cầu phải nêu lý do và giải thích sự liên quan, tính trọng yếu của tài liệu. Bên kia có quyền phản đối; hội đồng sẽ quyết định chấp	BLTTDS ²⁴). Nếu một bên không thể tự có tài liệu, họ có quyền đề nghị Tòa án thu thập giúp (Điểm e khoản 1 Điều 97 BLTTDS). Thẩm
--	--	--	---	--	--

¹⁸ Điều 3.2(a)(i), (ii) IBA Rules

¹⁹ Điều 3.2(b) IBA Rules

²⁴ Nghĩa vụ chứng minh được quy định tại Điều 6.1 và Điều 91 BLTTDS như sau:

Điều 6. Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự

1. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Điều 91. Nghĩa vụ chứng minh

1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,

[...]

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

[...]

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

		liệu đó. Bên nhận yêu cầu phải phản hồi; nếu phản đối, phải nêu lý do theo các căn cứ loại trừ tại Điều 9.2, 9.3 hoặc Điều 3.3²⁰ (ví dụ: không liên quan, đặc quyền, gánh nặng quá mức...). Ngoài ra, IBA Rules còn cho phép một bên đề nghị HĐTT thực hiện các biện pháp hỗ trợ thu thập tài liệu từ bên thứ ba nếu không tự mình thu thập được (Điều 3.9).	đưa vào lịch biểu tố tụng.²² Một bên muốn yêu cầu tài liệu phải nộp đề nghị cụ thể, nhận diện rõ tài liệu và thuyết minh tài liệu đó đáp ứng 3 điều kiện: (i) có liên quan và trọng yếu đối với kết quả vụ kiện; (ii) không có sẵn công khai; và (iii) nằm trong kiểm soát của bên kia”²³.	thuận hay không dựa trên các căn cứ tương tự như IBA Rules (thiếu liên quan, vi phạm pháp luật hoặc đạo đức, gánh nặng quá mức, không nằm trong kiểm soát, bí mật nhà nước/thương mại, hoặc xét về kinh tế tố tụng và sự công bằng. Đối với Trung Quốc là một nước dân luật, vốn ít có quy trình document production, việc CIETAC đưa vào thủ tục này là bước tiến gần thông lệ quốc tế.	phán có thể ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp tài liệu có liên quan mà họ đang quản lý (Điều g khoản 2 Điều 97). Tòa án có quyền cưỡng chế đối với việc thu thập tài liệu (ví dụ: phạt nếu không cung cấp). Nói chung, việc trao đổi chứng cứ trong tố tụng tòa án diễn ra qua vai trò chủ động của tòa hơn là sự hợp tác tự nguyện giữa các bên; không có giai đoạn discovery rộng rãi giữa các bên như trong trọng tài common law.
--	--	--	---	---	--

²⁰ Điều 3.5 IBA Rules

²² Điều 4.3 Prague Rules

²³ Điều 4.5 Prague Rules

6	Nhân chứng sự việc (Fact witnesses)	Mỗi bên đều có quyền trình nhân chứng để làm chứng về các tình tiết thực tế. IBA Rules đòi hỏi nhân chứng mà một bên muốn dựa vào phải nộp bản khai bằng văn bản trước phiên xử. Bản tường trình nhân chứng cần nêu lý lịch, quan hệ với các bên, nội dung lời khai chi tiết và có chữ ký nhân chứng. Việc thẩm vấn nhân chứng tại phiên	Prague Rules cho phép hội đồng trọng tài kiểm soát chặt chẽ việc đưa nhân chứng. Theo Điều 5.3, hội đồng có quyền loại bỏ việc xét hỏi những nhân chứng mà hội đồng cho là “ <i>không liên quan, không cần thiết hoặc trùng lặp</i> ” ²⁵ . Thêm vào đó, Prague Rules trao thẩm quyền cho HĐTT trong việc quyết định có bao nhiêu nhân chứng sẽ được trình bày trong quá trình tố tụng, nhằm tránh kéo dài thời gian vì quá nhiều	CIETAC Guidelines nhìn chung tuân theo thông lệ quốc tế về nhân chứng. Bên có nhân chứng phải thông báo trước cho hội đồng trọng tài và cung cấp bản tường trình bằng văn bản của nhân chứng trước phiên xử (tương tự IBA Rules). Hội đồng trọng tài có quyền đánh giá chứng cứ của lời khai và có thể từ chối chấp nhận lời khai nộp trễ hạn ²⁷ hoặc không phù hợp ²⁸ . Tương tự	Nhân chứng (người làm chứng) được tòa án triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của đương sự (Điều 97.2(g) và Điều 98, 99 BLTTDS). Nhân chứng thường phải cung cấp lời khai bằng văn bản (đơn hoặc biên bản lời khai tại tòa), và sau đó trả lời câu hỏi trực tiếp tại phiên tòa do Thẩm phán chủ trì. Khác với trọng tài, trong phiên xử tòa án, việc hỏi nhân chứng do
---	--	--	---	---	--

²⁵ Nguyên văn Điều 5.3 Prague Rules: “*The arbitral tribunal may decide that a certain witness should not be called for examination during the hearing, either before or after a witness statement has been submitted, in particular if it considers the testimony of such a witness to be irrelevant, immaterial, unreasonably burdensome, duplicative or for any other reasons not necessary for the resolution of the dispute.*”

²⁷ Điều 5 CIETAC Guidelines quy định: “[...] *The Tribunal shall be entitled to refuse to admit evidence submitted after the expiry of the stipulated time period [...]*”.

²⁸ Điều 19 CIETAC Guidelines quy định về Tính không được chấp nhận của chứng cứ: *Article 19 Inadmissibility 19.1 The Tribunal may, pursuant to rules on the privilege it considers appropriate, decide not to admit certain evidence, particularly evidence related to legal advice between a lawyer and his/ her client and evidence related to settlement negotiations between the parties. 19.2 Evidence adduced*

	hearing thường bao quy trình cross-examination. Hội đồng trọng tài theo IBA Rules không giới hạn số lượng nhân chứng mà các bên có thể gọi (các bên tự quyết định nhân chứng nào hỗ trợ cho vụ việc của mình), trừ khi lời khai bị cho là trùng lặp hoặc không liên quan – khi đó hội đồng có thể loại trừ theo Điều 9.2. Nhìn chung, quy trình của IBA mang màu sắc tố tụng tranh tụng: đề cao lời khai nhân chứng và việc đối chất trực tiếp tại phiên xử.	nhân chứng. Đây là điểm khác biệt rõ: theo IBA Rules, hội đồng <i>không có quyền hạn trực tiếp</i> để giới hạn số nhân chứng (hoàn toàn do các bên đề xuất). Mặc dù Prague Rules vẫn giữ thủ tục cross-examination như thông lệ, nhưng tinh thần chung là hạn chế việc thẩm vấn dài dòng. Điều 8.1 khuyến nghị HĐTT và các bên không cần hearing nếu có thể giải quyết dựa trên tài liệu²⁶.	IBA Rules, CIETAC Guidelines không quy định cụ thể việc giới hạn số lượng nhân chứng.	HĐXX điều hành; luật sư các bên chỉ được hỏi thông qua sự đồng ý của Chủ tọa. Số lượng nhân chứng thường ít, tập trung vào những người thật sự biết tình tiết vụ án. Nếu nhân chứng được triệu tập mà vắng mặt không lý do chính đáng, tòa có thể dẫn giải (cưỡng chế đến) hoặc xét lời khai vắng mặt tùy tình huống (Điều 90 BLTTDS). Nhìn chung, tòa án Việt Nam ít lệ thuộc vào nhân chứng; chứng cứ tài liệu và lời khai đương sự, kết luận giám
--	---	--	--	---

and information disclosed only in the course of mediation proceedings shall not be admissible in the arbitration, and shall not be permitted to form the basis for the arbitral award.

²⁶ Nguyên văn Điều 8.1 Prague Rules: “*In order to promote cost-efficiency and to the extent appropriate for a particular case, the arbitral tribunal and the parties should seek to resolve the dispute on a documents only basis.*”

					định... thường quan trọng hơn.
7	Chứng cứ chuyên gia (expert evidence)	IBA Rules cho phép cả chuyên gia do các bên chỉ định lẫn chuyên gia do hội đồng trọng tài chỉ định. Theo IBA Rules, mỗi bên có thể nộp báo cáo chuyên gia do mình mời, chuyên gia phải độc lập và báo cáo gồm ý kiến, cơ sở khoa học, tài liệu tham khảo... tương tự lời khai nhân chứng. Chuyên gia của bên kia có thể bị thẩm vấn tại	Ưu tiên chuyên gia do hội đồng chỉ định hơn là chuyên gia của mỗi bên. Prague Rules không đề cao việc mỗi bên thuê chuyên gia riêng, nhằm tránh “trận chiến giữa các chuyên gia” tốn kém. Thay vào đó, Prague Rules khuyến khích hội đồng nếu cần thì chỉ định chuyên gia độc lập để tư vấn về vấn đề kỹ thuật hoặc chuyên môn. Điều 6 Prague Rules quy	Cho phép cả chuyên gia của các bên và của hội đồng. CIETAC Guidelines có các điều khoản tương tự IBA: Bên nào cần có thể nộp báo cáo của chuyên gia do mình thuê, với các nội dung yêu cầu về thông tin chuyên gia, mối quan hệ với các bên, phương pháp, kết luận... được quy định rõ rccietac.org . Đồng thời, Điều 9.2 cho	Chứng cứ chuyên gia thường dưới hình thức kết luận giám định hoặc ý kiến định giá, thẩm định do cơ quan tổ tụng trung cầu. Theo BLTTDS, khi vụ án có vấn đề chuyên môn (pháp y, tài chính, xây dựng...), tòa sẽ ra quyết định trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần (Điều 102 ²⁹) – tức chỉ định một tổ chức

²⁹ Điều 102.1 và 102.2 BLTTDS 2015 quy định:

Điều 102. Trưng cầu giám định, yêu cầu giám định

1. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

2. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định. Trong quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ tên, địa chỉ của người giám định, đối tượng cần giám định, vấn đề cần giám định, các yêu cầu cụ thể cần có kết luận của người giám định.

		phiên xử. Ngoài ra, Điều 6 IBA Rules cho phép hội đồng trọng tài tự chỉ định chuyên gia độc lập nếu cần thiết. Quy trình chỉ định chuyên gia trung lập bao gồm: tham vấn các bên về nhiệm vụ của chuyên gia, cung cấp cho chuyên gia mọi tài liệu cần thiết, chuyên gia lập báo cáo và các bên có quyền phản biện, đồng thời có thể hỏi chuyên gia đó tại phiên hearing.	định thủ tục cho chuyên gia do hội đồng chỉ định (tương tự IBA) – các bên được tham gia vào quá trình chọn chuyên gia, được xem xét tài liệu chuyên gia sử dụng, có thể nộp báo cáo phản biện và có quyền tham vấn chuyên gia đó tại phiên xử. Prague Rules không cấm các bên nộp báo cáo chuyên gia. Theo đó, Điều 6.5 quy định: Việc HĐTT chỉ định chuyên gia không ảnh hưởng đến quyền nộp báo cáo chuyên gia của một	phép hội đồng trọng tài chỉ định một hoặc nhiều chuyên gia để làm rõ vấn đề chuyên môn kỹ thuật nào đó cietac.org. Các bên có nghĩa vụ hợp tác với chuyên gia do hội đồng chỉ định, cung cấp tài liệu theo yêu cầu, và được quyền nhận báo cáo chuyên gia cũng như phản hồi về báo cáo đó. Như vậy, CIETAC về cơ bản đi theo mô hình kết hợp của IBA – tạo điều kiện cho mỗi bên đưa ra ý kiến chuyên	giám định hoặc chuyên gia có thẩm quyền. Kết luận của giám định viên được xem là một nguồn chứng cứ (khoản 5 Điều 94 BLTTDS)³⁰. Các bên không có quyền tự chỉ định giám định viên riêng rồi bắt tòa công nhận – nếu bên nào tự thuê chuyên gia tư vấn thì ý kiến đó chỉ được nộp như tài liệu tham khảo, tòa sẽ cân nhắc chứ không bắt buộc. Do đó, ở tòa án mô hình dân luật, chỉ có giám định viên do tòa trung cầu
--	--	---	--	--	---

³⁰ Điều 94.5 BLTTDS 2015 quy định:

Điều 94. Nguồn chứng cứ

Chứng cứ được thu thập từ các nguồn sau đây:

[...]

5. Kết luận giám định.

			bên. Tuy nhiên, so với tổng thể Điều 6 quy định rất chi tiết về chuyên gia do HĐTT chỉ định thì có thể thấy Prague Rules không khuyến khích chuyên gia do các bên chỉ định. Việc nhấn mạnh chuyên gia của hội đồng là một khác biệt lớn: Prague Rules hàm ý loại trừ phần nào việc dùng chuyên gia bên, trong khi IBA thì dung hòa cả hai loại. Tóm lại, tiếp cận của Prague mang màu sắc dân luật (một giám định viên trung lập cho tòa), khác với thông lệ trọng tài quốc tế lâu nay thường mỗi bên có chuyên gia riêng.	môn riêng, nhưng cũng mở đường để hội đồng có chuyên gia trung lập nếu cần thiết.	mới có giá trị pháp lý chính thức. Điều này khác biệt với trọng tài quốc tế, nơi các bên có thể thuê chuyên gia độc lập ủng hộ quan điểm của mình.
8	Các phiên hearing	Theo IBA Rules, nếu vụ việc có nhân chứng hoặc chuyên gia, thường sẽ có hearing để xét hỏi trực tiếp. IBA Rules	Prague Rules cố gắng hạn chế tối đa phiên điều trần. Như đã nêu, Điều 8.1 khuyến nghị hội đồng giải quyết trên cơ sở	CIETAC Guidelines không có quy định khuyến khích không mở phiên hearing; thông thường hội đồng sẽ tổ	Trong tố tụng tòa án, Tòa sẽ mở phiên tòa sơ thẩm với sự có mặt của các bên (hoặc vắng mặt thì xử vắng mặt

		cho thấy sự nhấn mạnh tầm quan trọng của thẩm vấn chéo trong việc kiểm tra độ tin cậy của lời khai – đây là thủ tục quen thuộc trong tố tụng trọng tài theo thông luật.	chứng cứ tài liệu nếu có thể, nhằm tránh phải mở phiên tranh tụng và tiến hành thẩm vấn chéo tốn kém. Mặc dù thủ tục thẩm vấn chéo không bị loại bỏ hoàn toàn (vẫn được giữ lại nếu có phiên xét hỏi nhân chứng), nhưng Prague Rules đề cao việc trình bày bằng văn bản và sự chủ động của trọng tài hơn là đối chất trực tiếp của luật sư. Khi cần phiên điều trần, hội đồng trọng tài theo Prague sẽ quản lý chặt chẽ để phiên họp diễn ra ngắn gọn, tập trung. Nói cách khác, đối với các vụ tranh chấp có thể dùng chứng cứ tài liệu để phân xử, Prague Rules hướng tới việc không cần phiên xử, giúp giảm đáng kể chi phí tố tụng. Cách tiếp cận này khác rõ rệt với quan điểm coi thẩm	chức phiên tranh tụng nếu có nhân chứng hoặc chuyên gia cần xét hỏi. CIETAC Guidelines còn quy định cụ thể: nếu nhân chứng đã được yêu cầu phải có mặt mà lại vắng mặt không lý do, lời khai bằng văn bản của họ sẽ bị xem xét là không có giá trị. Quy định này ngụ ý tầm quan trọng của việc thẩm vấn trực tiếp – giống với IBA Rules cũng có điều khoản tương tự. Mặc dù CIETAC không đề cập việc “xét xử trên giấy” như Prague, các bên vẫn có thể thỏa thuận bỏ phiên điều trần nếu thấy không cần (theo tinh thần tự do thỏa thuận trong trọng tài). Tuy nhiên, nhìn chung, CIETAC chấp nhận và áp	theo luật định), tại đó HDXX sẽ xem xét công khai tất cả chứng cứ, hỏi nhân chứng, hỏi đương sự và tranh luận tại tòa. Không có khái niệm quyết định vụ án hoàn toàn dựa trên hồ sơ mà không mở phiên xét xử, kể cả theo thủ tục rút gọn. Do đó, so với trọng tài, tố tụng tòa án ít linh hoạt hơn – ngay cả khi các bên đồng ý bỏ tranh luận miệng cũng không được, tòa vẫn phải tuân thủ trình tự xét hỏi, tranh luận theo luật định.
--	--	--	---	--	--

			vấn trực tiếp là một phần quan trọng trong những vụ tranh chấp có chứng cứ phức tạp (như trong IBA Rules).	dụng đầy đủ phương thức thẩm vấn chéo và phiên xét hỏi trực tiếp khi cần thiết.	
9	Các yếu tố của chứng cứ				
9.1	Admissibility (Khả năng chấp nhận của chứng cứ) Mặc dù không có định nghĩa một cách rõ ràng trong cả IBA Rules, Prague Rules, CIETAC Guidelines, BLTTDS, song có thể hiểu từ cái tên của yếu tố này rằng Admissibility chỉ những điều kiện để một tài liệu, chứng cứ được HĐTT/Tòa án xem xét. Admissibility là một khái niệm rộng khi đánh giá chứng cứ, bao hàm cả các yếu tố về hình thức chứng cứ và nội dung của chứng cứ.				
	Admissibility	IBA Rules không quy định cụ thể các điều kiện chứng cứ được chấp nhận (Admissible) mà quy định về những trường hợp mà HĐTT có thể không	Prague Rules không quy định các điều kiện để một chứng cứ được coi là được chấp nhận (admissible), đồng thời cũng không quy định các trường hợp	CIETAC Guidelines đưa ra các trường hợp chứng cứ không được chấp nhận tại Điều 19 ³⁵ , bao gồm:	BLDS không quy định về khả năng chấp nhận của chứng cứ. Về nguyên tắc, để một tài liệu, sự vật được coi là chứng cứ thì tài liệu, sự vật

³⁵ Nguyên văn Điều 19 CIETAC Guidelines:

Article 19 Inadmissibility

19.1 The Tribunal may, pursuant to rules on the privilege it considers appropriate, decide not to admit certain evidence, particularly evidence related to legal advice between a lawyer and his/her client and evidence related to settlement negotiations between the parties.

19.2 Evidence adduced and information disclosed only in the course of mediation proceedings shall not be admissible in the arbitration, and shall not be permitted to form the basis for the arbitral award.

	chấp nhận chứng cứ đó. Các Điều quy định về trường hợp chứng cứ có thể không được chấp nhận bao gồm: Điều 9.2 quy định 6 trường hợp HĐTT sẽ không chấp nhận chứng cứ như sau: (a) chứng cứ không liên quan hoặc không quan trọng đối với kết quả vụ tranh chấp (b) trở ngại pháp lý hoặc đặc quyền theo luật, quy tắc áp dụng	nào HĐTT có thể loại trừ một chứng cứ. Tuy nhiên, đối với lời khai nhân chứng, Điều 5.3 quy định HĐTT có quyền không thẩm vấn nhân chứng tại phiên xử nếu thấy rằng nhân chứng đó không liên quan, không trọng yếu, gây ra gánh nặng không hợp lý, bị trùng lặp hoặc bất kỳ lý do nào khác không cần thiết cho việc giải quyết vụ tranh chấp³². Ngoài ra, tại phiên xử, HĐTT có quyền không cho phép các câu hỏi không liên	1. Chứng cứ liên quan đến đặc quyền, đặc biệt là chứng cứ liên quan đến tư vấn pháp lý giữa luật sư và khách hàng, cũng như chứng cứ liên quan đến các cuộc đàm phán thương lượng giữa các bên. 2. Chứng cứ và thông tin chỉ được tiết lộ trong quá trình hòa giải CIETAC Guidelines cũng có quy định tương đương và có thể là học hỏi từ Điều 9.2 IBA Rules, theo đó, Điều 7.3	đó đã phải trải qua quá trình thu thập theo trình tự, thủ tục của BLTTDS và được Tòa án sử dụng (Điều 93 BLTTDS)
--	--	--	---	---

³² Điều 5.3 Prague Rules quy định:

Article 5 Fact Witnesses

[...]

5.3. The arbitral tribunal may decide that a certain witness should not be called for examination during the hearing, either before or after a witness statement has been submitted, in particular if it considers the testimony of such a witness to be irrelevant, immaterial, unreasonably burdensome, duplicative or for any other reasons not necessary for the resolution of the dispute.

	(c) việc cung cấp chứng cứ tạo ra gánh nặng quá mức (d) tài liệu được chứng minh là đã bị mất hoặc bị hủy hoại (e) vì lý do bảo mật (f) vì lý do chính trị (g) những cân nhắc về tính kinh tế tổ tụng, tính tương xứng, công bằng hoặc bình đẳng của các Bên Điều 9.3 quy định HĐTT có quyền loại trừ chứng cứ được thu thập một cách bất hợp	quan, thừa, không trọng yếu đến kết quả vụ tranh chấp³³. Tóm lại, có thể được hiểu là HĐTT có thẩm quyền rất rộng và sự chủ động lớn trong việc chấp nhận hay không chấp nhận một chứng cứ trong Prague Rules, đúng theo tinh thần của Bộ quy tắc này. Ngoài ra, Điều 2.4(b) còn quy định rõ rằng HĐTT có quyền trao đổi với các bên về loại chứng cứ mà HĐTT cho là phù hợp để các bên chứng minh quan điểm của	CIETAC Guidelines quy định HĐTT có thể không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ của một bên nếu rơi vào các trường hợp sau: (1) tài liệu được yêu cầu không đủ liên quan và trọng yếu (2) việc cung cấp tài liệu có thể dẫn tới việc vi phạm luật áp dụng và đạo đức nghề nghiệp	
--	---	---	--	--

³³ Điều 5.9 Prague Rules quy định:

Article 5 Fact Witnesses

[...]

5.9. At the hearing, the examination of any fact witness shall be conducted under the direction and control of the arbitral tribunal. The arbitral tribunal can reject a question posed to the witness if the arbitral tribunal considers it to be irrelevant, redundant, not material to the outcome of the case or for other reasons. After having heard the parties, the arbitral tribunal may also impose other restrictions, including setting the order of examination of the witnesses, time limits for examination or types of questions to be allowed or hold witness conferences, as it deems appropriate.

		pháp. Đánh giá về tính bất hợp pháp của chứng cứ sẽ phụ thuộc vào luật áp dụng³¹.	mình đối với các sự kiện (facts) còn tranh chấp³⁴. Theo tác giả, đây cũng có thể được hiểu là một căn cứ ngầm định HĐTT sẽ dựa vào để đánh giá xem có nên chấp nhận một chứng cứ hay không.	(3) việc cung cấp chứng cứ tạo ra gánh nặng không hợp lý cho bên được yêu cầu (4) tài liệu không do bên bị yêu cầu nắm giữ, sở hữu, kiểm soát, hoặc đã bị mất hoặc bị hủy hoại (5) việc cung cấp chứng cứ có thể vi phạm bí mật quốc gia, bí mật kinh doanh hoặc bí mật công nghệ	
--	--	--	---	--	--

³¹ Chú giải của IBA về “*Evidence Obtained Illegally*”, IBA Task force for the revision of the IBA rules on the taking of evidence in international arbitration / consolidated amendments (2021), tr.30, <https://www.ibanet.org/MediaHandler?id=4F797338-693E-47C7-A92A-1509790ECC9D>

³⁴ Điều 2.4(b) Prague Rules quy định như sau:

Article 2. Proactive Role of the Arbitral Tribunal

[...]

2.4. The arbitral tribunal may at the case management conference

or at any later stage of the arbitration, if it deems it appropriate, indicate to the parties:

[...]

b. with regard to the disputed facts – the type(s) of evidence the arbitral tribunal would consider to be appropriate to prove the parties’ respective positions;

				(6) những cân nhắc về tính kinh tế, công bằng hoặc bình đẳng của các Bên Ngoài ra, Điều 20 cũng quy định HĐTT cũng có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận một tài liệu đang bị tranh chấp mà không có bản gốc³⁶; Điều 5.1 quy định HĐTT có thể không chấp nhận chứng cứ nộp sau thời hạn được quy định³⁷.	
--	--	--	--	---	--

³⁶ Nguyên văn Điều 20 CIETAC Guidelines:

Article 20 Documents without Originals

For disputed documents in respect of which there is no original, the Tribunal may, taking into account other evidence, the parties' submissions and the circumstances of the entire case, determine whether or not to admit such evidence.

³⁷ Điều 5.1 CIETAC Guidelines quy định:

Article 5 Time Period for the Submission of Evidence

5.1 The Tribunal may fix a reasonable time for the parties to submit evidence, or schedule the submission of evidence into separate phases [...] The Tribunal shall be entitled to refuse to admit evidence submitted after the expiry of the stipulated time period. [...]

9.2	Relevance and Materiality (Sự liên quan và Tính trọng yếu của chứng cứ) Sự liên quan và tính trọng yếu của chứng cứ là các mặt về nội dung của chứng cứ. Như đã đề cập phía trên, trong bối cảnh xem xét về chứng cứ tại IBA Rules, Prague Rules, CIETAC Guidelines, BLTTDS, 2 yếu tố này được coi là các thành tố thuộc phạm trù Admissibility đã phân tích phía trên.				
	Relevance and Materiality	IBA Rules không định nghĩa cụ thể thế nào là “liên quan” và “trọng yếu”, cũng không đưa ra các tiêu chí cụ thể để đánh giá sự “liên quan” và “trọng yếu” của chứng cứ. Thay vào đó, Bộ quy tắc để nghĩa vụ chứng minh và thẩm quyền đánh giá vào các bên tranh chấp và HĐTT.	Tương tự IBA Rules, Prague Rules cũng không đưa ra tiêu chí cụ thể để đánh giá sự liên quan và tính trọng yếu của chứng cứ, điều này phụ thuộc hoàn toàn vào đánh giá của HĐTT. Tuy nhiên, sự liên quan và tính trọng yếu được hiểu là những yêu cầu bắt buộc của chứng cứ, qua các quy định sau:	CIETAC Guidelines cũng không đưa ra định nghĩa và các tiêu chí cụ thể để đánh giá sự liên quan và tính trọng yếu của chứng cứ. Tuy nhiên, cũng giống như IBA Rules và Prague Rules, sự liên quan và tính trọng yếu là một trong những điều kiện để một yêu cầu thu thập bằng chứng của một bên được chấp thuận ⁴¹ .	BLTTDS không quy định rõ về sự liên quan và tính trọng yếu của chứng cứ. Như đã đề cập phía trên, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền đánh giá một tài liệu, sự vật có được coi là “chứng cứ” hay không. Như vậy, có thể hiểu rằng, trong quá trình đó, Tòa án đã xem xét và chấp nhận những tài liệu mà tòa cho là liên quan” và có giá trị chứng minh đối

⁴¹ Điều 7.1 CIETAC Guidelines quy định:

Article 7 Request to Produce

		Cụ thể, theo Điều 3.3 , một trong những điều kiện quan trọng để một yêu cầu thu thập chứng cứ (Request to Produce) được chấp nhận là bên yêu cầu phải chứng minh	Điều 4.5(a) quy định một bên có thể yêu cầu HĐTT yêu cầu bên kia cung cấp chứng cứ, và chứng cứ đó phải liên quan và trọng yếu đối với kết quả vụ tranh chấp ³⁹ .	Và cũng tương tự Điều 9.2(a) IBA Rules, CIETAC Guidelines cùng quy định rõ rằng sự liên quan và tính trọng yếu là một căn cứ để HĐTT quyết định có chấp	với vụ án (Điều 108.2 BLTTDS quy định Tòa án khi đánh giá chứng cứ phải “ <i>khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ</i> ”).
--	--	---	---	---	---

7.1 A party may request the Tribunal to order the other party to produce a specific document or a narrow and specific category of documents (“request to produce”). The requesting party shall state the reasons for its request, identify in sufficient detail the requested document(s), and **explain the relevance and materiality of the requested document(s)**. The Tribunal shall invite the other party to comment on the request to produce. Where the other party does not object to the request to produce, the relevant document(s) shall be produced in accordance with the request to produce. Where the other party objects, the tribunal shall decide whether or not to grant the request to produce.

³⁹ Điều 4.5 Prague Rules quy định:

Article 4 Documentary Evidence

[...]

4.5. Subject to Articles 4.2–4.4, a party may request the arbitral tribunal to order another party to produce a specific document which:

- a. is relevant and material to the outcome of the case;
- b. is not in the public domain; and

		được chứng cứ đó là “<i>liên quan đến vụ việc</i>” và “<i>có tính trọng yếu đối với kết quả vụ tranh chấp</i>”³⁸. Đồng thời, như đã đề cập tại Mục 9.1 trên đây, Điều 9.2(a) quy định rằng HĐTT sẽ không chấp nhận các chứng	Điều 5.1(c) quy định khi nộp đơn khởi kiện (statement of claim) hoặc bản tự bảo vệ (defence) hoặc bất kỳ khi nào HĐTT thấy phù hợp, bên đó phải chỉ rõ sự liên quan và tính trọng yếu của lời khai nhân chứng đối với kết quả vụ việc⁴⁰.	nhận một chứng cứ hay không (Điều 7.3(1) CIETAC Guidelines như đề cập tại Mục 9.1 phía trên)	
--	--	--	---	---	--

c. is in the possession of another party or within its power or control.

³⁸ Điều 3.3 IBA Rules quy định:

Article 3 Documents

[...]

3. A Request to Produce shall contain:

[...]

(b) a statement as to how the Documents requested are relevant to the case and material to its outcome; [...]

⁴⁰ Điều 5.1 Prague Rules quy định:

Article 5. Fact Witnesses

5.1. When filing a statement of claim or defence, or at any other stage of the arbitration which the arbitral tribunal considers appropriate, a party shall identify:

a. each fact witness (if any), on whose testimony the party intends to rely in support of its position;

b. the factual circumstances on which the respective fact witness intends to testify; and

		cứ “<i>không đủ liên quan đến vụ việc hoặc quan trọng đối với kết quả vụ tranh chấp</i>”. Như vậy, có thể hiểu việc đánh giá thế nào là liên quan và trọng yếu phụ thuộc vào mỗi bên và HĐTT. Tác giả đưa ra cách hiểu chung của các yếu tố này như sau: – Relevance to the case: chứng cứ phải liên quan đến vụ việc, tức là liên quan và có giá trị chứng minh đối với một sự kiện (fact) đang có tranh chấp hoặc một vấn đề pháp lý (matter) đang có tranh chấp;	Và như đã phân tích tại Mục 9.1 phía trên, nếu HĐTT thấy nhân chứng đó không liên quan và trọng yếu, HĐTT có quyền không triệu tập nhân chứng để thẩm vấn tại phiên xử (Điều 5.9)		
--	--	---	--	--	--

c. the relevance and materiality of the testimony for the outcome of the case.

		– Material to its outcome: chứng cứ phải quan trọng đối với vấn đề/sự kiện đang cần được chứng minh (mà nếu không có chứng cứ đó thì việc chứng minh sẽ không đạt được hoặc khó khăn hơn)			
9.3	Weight of evidence (Trọng lượng của chứng cứ) Trọng lượng của chứng cứ có thể được hiểu là độ tin cậy, thuyết phục của chứng cứ, được quyết định bởi ảnh hưởng của chứng cứ trong việc thuyết phục HĐTT⁴². Không có một quy định cụ thể hay những tiêu chí rõ ràng để đánh giá trọng lượng của chứng cứ trong cả 4 văn bản này. Theo ý kiến của Tác giả, “trọng lượng của chứng cứ” là sự đánh giá tổng hợp của HĐTT/Tòa án sau khi xem xét các yếu tố phía trên và do đó, có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố của khả năng được chấp nhận của chứng cứ, sự liên quan và tính trọng yếu của chứng cứ.				

⁴²

Cách

hiểu

được

tham

khảo

từ

website

https://www.law.cornell.edu/wex/weight_of_evidence#:~:text=The%20weight%20of%20evidence%20refers,belief%2C%20rather%20than%20by%20mathematical
CS.

3. Đề xuất đối với VIAC cũng như các tổ chức trọng tài Việt nam

Qua bảng so sánh trên có thể thấy, IBA Rules đưa ra một khung chuẩn mực lai ghép giữa thông lệ common law và civil law nhưng vẫn gần hơn với văn hóa thông luật, trong khi đó Prague Rules phản ánh quan điểm civil law, đề cao vai trò chủ động của HĐTT và tiết giảm tối đa các thủ tục tốn kém thời gian như discovery hay cross-examination kéo dài, tuy nhiên Prague Rules cũng vấp phải một số ý kiến phản đối rằng có thể hạn chế quyền được trình bày chứng cứ của các bên (do phụ thuộc nhiều vào quyết định HĐTT). CIETAC Guidelines là một ví dụ của việc nội luật hóa khéo léo: dựa trên IBA nhưng hiệu chỉnh cho phù hợp văn hóa tố tụng Trung Quốc, bổ sung các quy tắc về nghĩa vụ chứng minh, tiêu chuẩn chứng minh, và hòa nhập với hệ thống pháp luật Trung Quốc (như việc kết hợp giữa tính chủ động của HĐTT như Tòa án, đồng thời để các Bên chủ động và có đầy đủ cơ hội thực hiện các quyền tố tụng về chứng cứ). Nhưng một điểm chung có thể thấy rõ là cả 3 ví dụ trên đều thể hiện thẩm quyền linh hoạt và tương đối rộng rãi của HĐTT trong việc đánh giá và quản lý chứng cứ, qua đó HĐTT có thể điều hành tố tụng một cách hiệu quả hơn.

Những so sánh trên là cơ sở hữu ích để VIAC cân nhắc khi xây dựng bộ quy tắc chứng cứ của riêng mình, sao cho vừa phù hợp với khung pháp luật Việt Nam, vừa tiếp thu được thông lệ tốt quốc tế, lại phù hợp với thói quen và văn hóa tố tụng ở Việt Nam (vốn chịu ảnh hưởng civil law). Dưới đây là một số đề xuất định hướng cho VIAC cũng như các tổ chức trọng tài Việt nam.

3.1. Thỏa thuận trong PO1 (standard form)

Bước đầu, VIAC có thể đưa ra những form mẫu như PO1, trong đó ghi nhận việc các bên thỏa thuận áp dụng IBA Rules như một luật mềm. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro một bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài với lý do Hội đồng Trọng tài tự ý áp dụng luật không tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Đương nhiên, khi sử dụng mẫu PO1 của VIAC, các bên có thể không áp dụng IBA Rules nếu thấy không phù hợp. Về việc áp dụng IBA Rules, trong vụ tranh chấp trọng tài về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa Tập đoàn CK (Nguyên đơn) và Công ty TNHH LP và Công ty Cổ phần Vật tư hàng hải H.P.C (Bị đơn), Bị đơn đã yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Một trong những căn cứ mà Bị đơn đưa ra để yêu cầu hủy phán quyết là “PQTT vi phạm nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Theo các bản tự bảo vệ của Nguyên đơn và Bị đơn thì hai bên đã đồng ý lựa chọn Quy tắc của Hiệp hội Luật sư Quốc tế về đánh giá chứng cứ trong trọng

tài Quốc tế năm 2010 (IBA Rules) khi Quy tắc tố tụng của QT và Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 không quy định về vấn đề này. Tuy nhiên phán quyết trọng tài không áp dụng IBA Rules mà chỉ áp dụng pháp luật Việt Nam và quy tắc tố tụng của VIAC để giải quyết tranh chấp”. Tại Quyết định số 1420/2019/QĐ-PQTT ngày 16/10/2019 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết đơn yêu cầu của Bị đơn, Tòa án đã nhận định như sau: “*Hội đồng phiên họp xét thấy, tại bản tự bảo vệ của Nguyên đơn đã đưa ra đề nghị Hội đồng trọng tài áp dụng quy tắc IBA. Phía Bị đơn cũng đề nghị HĐTT có thể áp dụng quy tắc IBA về thu thập và đánh giá chứng cứ tùy theo quyết định của Hội đồng trọng tài nếu Hội đồng trọng tài xét thấy, với các thay đổi cần thiết, là có thể áp dụng. Như vậy, ý kiến đề nghị của Bị đơn đối với HĐTT về việc áp dụng quy tắc IBA chỉ là “có thể” chứ chưa khẳng định nên không hình thành một thoả thuận mới giữa nguyên đơn và bị đơn về lựa chọn quy tắc IBA như Bị đơn trình bày. Do đó, HĐTT đã quyết định áp dụng pháp luật Việt Nam và quy tắc tố tụng của QT là hoàn toàn phù hợp với sự thoả thuận của Nguyên đơn và Bị đơn tại Điều 3 trong thoả thuận ngày 16/5/2017. Vì vậy, lý do nêu trên của Bị đơn để yêu cầu huỷ phán quyết là không có căn cứ để chấp thuận*”⁴³.

Như vậy, có thể hiểu rằng Tòa án sẽ công nhận việc áp dụng IBA Rules khi các bên có thoả thuận rõ ràng về việc áp dụng IBA Rules như là một luật mềm. Do đó, hoàn toàn có thể tận dụng điểm này và khuyến khích các bên và HĐTT sử dụng IBA Rules trong quá trình giải quyết tranh chấp để đánh giá chứng cứ.

3.2. Quy định về thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT trong Quy tắc VIAC

Đây là việc VIAC có thể thực hiện trong lần sửa đổi Quy tắc VIAC tới. Cụ thể, nên học hỏi các bộ quy tắc khác (UNCITRAL, SIAC⁴⁴, HKIAC⁴⁵...) để quy định một điều khoản tương tự như: “*Hội đồng Trọng tài có quyền quyết định về tính chấp nhận được, tính liên quan, tính quan trọng và trọng lượng của mọi chứng cứ*”. Việc quy định minh thị thẩm quyền này trong Quy tắc

⁴³ Quyết định số 1420/2019/QĐ-PQTT ngày 16/10/2019 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta477440t1cvn/chi-tiet-ban-an>

⁴⁴ Nguyên văn Điều 32.3 Quy tắc SIAC 2025: “*The Tribunal shall determine the admissibility, relevance, materiality, and weight of all evidence. The Tribunal is not required to apply the rules of evidence of any applicable law in making such a determination.*”

⁴⁵ Nguyên văn Điều 22.2 Quy tắc HKIAC 2024: “*The arbitral tribunal shall determine the admissibility, relevance, materiality and weight of the evidence, including whether to apply strict rules of evidence.*”

VIAC sẽ lấp được khoảng trống pháp lý mà LTTTM 2010 bỏ ngỏ, đồng thời tạo ra sự chắc chắn hơn cho phán quyết trọng tài để giảm thiểu những lý do hủy PQTT dựa vào chứng cứ. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở quy định như vậy e là chưa đầy đủ, bởi điều này mới chỉ tạo căn cứ cho thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT, mà chưa đưa ra một chuẩn mực xem việc đánh giá sẽ được thực hiện như thế nào, cần đánh giá những khía cạnh gì, v.v. Do đó, có thể kết hợp việc quy định khái quát như vậy tại Quy tắc tố tụng, song song với việc ban hành một Hướng dẫn (Guidelines) / Lưu ý thực hành (Practice Note) diễn giải quy tắc trọng tài để các bên và HĐTT thuận tiện trong việc áp dụng⁴⁶.

3.3. Ban hành Bộ quy tắc Chứng cứ của VIAC và quy định cơ chế opt-out linh hoạt

Về lâu dài, tương tự CIETAC, VIAC có thể soạn thảo một bộ quy tắc chứng cứ chi tiết để hướng dẫn cho các bên và HĐTT trong mọi vấn đề về chứng cứ.

Dựa trên nghiên cứu về IBA Rules, Prague Rules, CIETAC Guidelines và phù hợp với thực tiễn tố tụng ở Việt Nam, VIAC có thể cân nhắc các nội dung chính sau đây trong Bộ quy tắc chứng cứ:

1) Thu thập chứng cứ (Document production)

- Điều kiện đối với các yêu cầu thu thập chứng cứ của một bên: Có thể tham khảo Điều 3.3 để quy định về việc bên có yêu cầu phải mô tả tài liệu yêu cầu, chứng minh sự liên quan và tính trọng yếu, chứng minh mình không nắm giữ chứng cứ, v.v.
- Các căn cứ để bên bị yêu cầu phản đối yêu cầu thu thập chứng cứ.
- Thẩm quyền của HĐTT: Quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ; Quyết định cách thức, thời hạn thu thập chứng cứ sau khi tham vấn ý kiến các bên (cách thức bao gồm các vấn đề như quá trình thu thập chứng cứ là bản cứng hay bản

⁴⁶ Một số tổ chức trọng tài ban hành các Practice Note để giải thích, hướng dẫn cho quy tắc trọng tài như SIAC: <https://siac.org.sg/arbitration-siac-practice-notes>, HKIAC: <https://www.hkiac.org/arbitration/rules-practice-notes/practice-notes>.

mềm, có sử dụng Redfern Schedule⁴⁷ hay không, mỗi bên có bao nhiêu vòng nêu ý kiến, v.v.)

2) *Người làm chứng (Fact witness)*

- Quy định về quyền mời người làm chứng của các bên
- Quy định đối với bản lời khai người làm chứng (witness statement): Hình thức, nội dung, vv.
- Quyền của HĐTT: triệu tập người làm chứng để thẩm vấn trong hearing, không xem xét lời khai của người làm chứng trong một số trường hợp (ví dụ: không liên quan, không trọng yếu, bản lời khai không đúng quy định về hình thức, nội dung, v.v)

3) *Chuyên gia (Expert)*

- Quy định về chuyên gia do các bên chỉ định (Party-appointed expert) và chuyên gia cho HĐTT chỉ định (Tribunal-appointed expert)
- Quy định về Báo cáo chuyên gia (expert report): Hình thức (ví dụ: phải chứng minh năng lực của chuyên gia), nội dung
- Chuyên gia có nghĩa vụ tham gia các phiên họp theo triệu tập của HĐTT để HĐTT và các bên thẩm vấn; thuyết minh về báo cáo nếu có yêu cầu, v.v.

4) *Đánh giá chứng cứ (Assessment of evidence)*

- HĐTT có thẩm quyền quyết định khả năng được chấp nhận, sự liên quan, tính trọng yếu, trọng lượng của chứng cứ.
- Khi đánh giá khả năng được chấp nhận của chứng cứ, HĐTT xem xét bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sau: Hình thức của chứng cứ (có dấu hiệu giả mạo không, có được lập bằng ngôn ngữ trọng tài không, v.v.), trình tự, thủ tục thu thập và nộp chứng cứ (có hợp pháp không, có đúng thời hạn nộp không, v.v.)
- Khi đánh giá sự liên quan của chứng cứ, HĐTT xem xét bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sau: Chứng cứ có liên quan đến sự kiện (fact) đang được xem xét trong vụ tranh

⁴⁷ Mẫu Redfern Schedule sử dụng cho quá trình yêu cầu và cung cấp chứng cứ của PCA: <https://pcacases.com/web/sendAttach/12168>

chấp không và đó có phải sự kiện đang tranh chấp hay không (disputed fact); chứng cứ có liên quan đến vấn đề pháp lý (legal issue) nào trong vụ tranh chấp không.

- Khi đánh giá tính trọng yếu của chứng cứ, HĐTT xem xét bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sau: Tầm ảnh hưởng của chứng cứ đối với kết quả của vụ việc hoặc đối với quá trình giải quyết tranh chấp (nếu không có chứng cứ đó thì kết quả vụ tranh chấp có thay đổi không hoặc quá trình giải quyết tranh chấp của HĐTT có bị cản trở không).
- Khi đánh giá trọng lượng của chứng cứ, HĐTT xem xét tất cả các yếu tố liên quan của chứng cứ.

5) *Các chứng cứ không được chấp nhận (Inadmissibility)*

- Quy định về các trường hợp HĐTT có thể không chấp nhận chứng cứ: Tham khảo Điều 9.2 IBA Rules, Điều 19 CIETAC Guidelines, theo đó một số trường hợp chứng cứ có thể không được chấp nhận bao gồm: không liên quan hoặc không trọng yếu, trở ngại pháp lý hoặc đặc quyền, tạo ra gánh nặng quá mức, mất hoặc bị phá hủy, lý do bảo mật hoặc chính trị, cân nhắc đến tính hiệu quả và công bằng của quá trình tố tụng.

6) *Phiên họp xem xét chứng cứ (Evidentiary hearing)*

- Thời gian, địa điểm, hình thức, chứng cứ được mang ra đối chiếu tại phiên xử: Do HĐTT quyết định sau khi tham vấn ý kiến các bên.
- Các bên có quyền trình bày lời khai của người làm chứng và báo cáo chuyên gia do mình triệu tập.
- Chuyên gia do HĐTT chỉ định trình bày kết quả báo cáo chuyên gia.
- HĐTT và các bên có quyền thẩm vấn người làm chứng, chuyên gia (cross-examination; re-examination). Cách thức tiến hành cụ thể theo thống nhất giữa HĐTT và các bên trước khi phiên họp diễn ra⁴⁸.

⁴⁸ Hướng dẫn CIArb về Phiên họp thẩm vấn đồng thời nhân chứng (2019), bản dịch của ADR Vietnam Chambers: https://www.academia.edu/125929191/H%C6%AF%E1%BB%9ANG_D%E1%BA%AAAN_C%E1%BB%A6A_CIArb_V%E1%BB%80_PHI%C3%8AN_H%E1%BB%8CP_TH%E1%BA%A8M_V%E1%BA%A4N_%C4%90%E1%BB%92NG_TH%E1%BB%9CI_NH%C3%82N_CH%E1%BB%A8NG_WITNESS_CONFERENCING_N%C4

7) ***Chế tài và suy đoán bất lợi***

- Quy định các chế tài HĐTT có thể áp dụng trong các trường hợp một bên không nộp, nộp không đúng/không đủ, nộp sai thời hạn được quy định: Phân bổ chi phí cho bên có hành vi ảnh hưởng đến quá trình tố tụng như nộp chứng cứ muộn mà không có lý do chính đáng, cố tình kéo dài việc nộp chứng cứ (tham khảo Điều 11 Prague Rules⁴⁹); suy đoán bất lợi cho

<https://www.ciarb.org/media/c54lce1z/13-witness-conferencing-april-2019.pdf>

Văn bản gốc: <https://www.ciarb.org/media/c54lce1z/13-witness-conferencing-april-2019.pdf>

⁴⁹ Điều 11 Prague Rules quy định:

Article 11. Allocation of Costs

When deciding on the allocation of costs in an award, the arbitral tribunal may take into account the parties' conduct during the arbitral proceedings, including their co-operation and assistance (or the lack thereof) in conducting the proceedings in a cost-efficient and expeditious manner.

bên không tuân thủ những chỉ thị của HĐTT (tham khảo Điều 10 Prague Rules⁵⁰; Điều 9.6 và Điều 9.7 IBA Rules⁵¹, Điều 23 CIETAC Guidelines⁵²).

Về cách thức áp dụng: Có 2 sự lựa chọn cho việc áp dụng bộ quy tắc này: (1) cơ chế “opt-in” – tức là Bộ quy tắc chứng cứ chỉ áp dụng nếu các bên có sự thỏa thuận; (2) cơ chế “opt-out” – tức là HĐTT có quyền đương nhiên áp dụng Bộ quy tắc chứng cứ, trừ khi các bên thỏa thuận khác, tương tự quy định tại Điều 41.4 Quy tắc trọng tài CIETAC 2024⁵³. Cả hai phương án đều có ưu –

⁵⁰ ⁵⁰ Điều 10 Prague Rules quy định:

Article 10. Adverse Inference

If a party does not comply with the arbitral tribunal’s order(s) or instruction(s), without justifiable grounds, the arbitral tribunal may draw, where it considers appropriate, an adverse inference with regard to such party’s respective case or issue.

⁵¹ Điều 9 IBA Rules quy định:

[...]

Article 9 Admissibility and Assessment of Evidence

6. If a Party fails without satisfactory explanation to produce any Document requested in a Request to Produce to which it has not objected in due time or fails to produce any Document ordered to be produced by the Arbitral Tribunal, the Arbitral Tribunal may infer that such document would be adverse to the interests of that Party.

7. If a Party fails without satisfactory explanation to make available any other relevant evidence, including testimony, sought by one Party to which the Party to whom the request was addressed has not objected in due time or fails to make available any evidence, including testimony, ordered by the Arbitral Tribunal to be produced, the Arbitral Tribunal may infer that such evidence would be adverse to the interests of that Party.

⁵² Điều 23 CIETAC Guidelines quy định:

Article 23 Adverse Inferences

Where a party refuses, without justifiable reasons, to produce the document(s) pursuant to a request to produce granted or directly ordered by the Tribunal, the Tribunal may draw adverse inferences against the party refusing to produce the document(s).

⁵³ Điều 41.4 Quy tắc trọng tài CIETAC:

Article 41 Evidence

[...]

nhược riêng. Opt-in ban đầu ít rủi ro hơn nhưng đạt độ nhất quán thấp (vì tính tự nguyện); ngược lại, opt-out mang lại nhất quán tối đa nhưng có thể phát sinh nhiều vấn đề và vấp phải sự phản đối, đặc biệt trong thời gian đầu. Xét bối cảnh Việt Nam – nơi cộng đồng trọng tài và luật sư không phải ai cũng có nhiều kinh nghiệm với việc áp dụng các luật mềm như IBA Rules, có thể cân nhắc khởi đầu bằng cơ chế opt-in kèm tài liệu hướng dẫn (practice note) để làm quen, đồng thời theo dõi phản hồi để điều chỉnh các quy định nếu cần thiết. Sau khi đã có đủ kinh nghiệm và sự chấp nhận, VIAC có thể chuyển dần sang opt-out bắt buộc trong Quy tắc của mình về lâu dài. Cách tiếp cận từng bước này vừa thể hiện sự thận trọng ban đầu, vừa hướng tới việc áp dụng rộng rãi Bộ quy tắc Chứng cứ, giúp các bên chủ động nắm khung thủ tục và giảm thiểu bất ngờ, từ đó nâng cao sự ổn định và minh bạch cho hoạt động trọng tài.

3.4. Hình thức ban hành và triển khai: kết hợp linh hoạt giữa quy tắc chính thức và hướng dẫn mềm (Commentary/Practice note)

VIAC có thể cân nhắc hai bước: trước mắt, sửa Quy tắc VIAC để có điều khoản chung về thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT và viện dẫn tới Hướng dẫn chứng cứ sẽ ban hành (Ví dụ: Practice Note on the use of evidence), trong đó hướng dẫn các nội dung như quá trình tiến hành thu thập chứng cứ (document production), các mặt của chứng cứ HĐTT sẽ xem xét (admissibility, relevance, materiality, weight of evidence). Song song, cần soạn thảo Bộ quy tắc Chứng cứ chi tiết. Nếu chưa thể xây dựng thành bộ quy tắc riêng, VIAC có thể cân nhắc ban hành tạm thời dưới dạng “Practice Note” và khuyến khích HĐTT cùng các bên dẫn chiếu áp dụng. Tuy nhiên, về lâu dài, nên nâng cấp thành quy tắc và quy định theo cơ chế opt-out trong Quy tắc trọng tài VIAC để tăng tính ràng buộc và thống nhất giống như CIETAC đã làm.

Kết luận

Tác giả cho rằng, việc xây dựng Bộ Quy tắc Chứng cứ hoặc tối thiểu là quy định về thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT là điều cần thiết nhằm khắc phục khoảng trống pháp lý hiện nay và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong tố tụng trọng tài tại Việt Nam. Qua phân tích so sánh các bộ quy tắc và hướng dẫn quốc tế (IBA Rules, Prague Rules, CIETAC Guidelines), có thể

Unless otherwise agreed by the parties, the arbitral tribunal may decide to apply in whole or in part the CIETAC Guidelines on Evidence (“Guidelines on Evidence”) to hear the case. However, the Guidelines on Evidence do not constitute an integral part of these Rule.

thấy rằng điểm chung đều đặt trọng tâm vào việc trao cho Hội đồng Trọng tài thẩm quyền rộng rãi trong quản lý và đánh giá chứng cứ, đồng thời bảo đảm các bên có cơ hội bình đẳng trong việc trình bày chứng cứ.

Đối với VIAC và các tổ chức trọng tài Việt nam, các đề xuất cụ thể bao gồm: (i) trước mắt có thể sử dụng PO1 chuẩn hóa để ghi nhận sự thỏa thuận áp dụng IBA Rules hoặc phụ lục chứng cứ kèm theo, nhằm giảm thiểu rủi ro hủy phán quyết và đảm bảo sự tự nguyện của các bên; (ii) về lâu dài, ban hành Bộ Quy tắc Chứng cứ riêng với cơ chế áp dụng linh hoạt (opt-in giai đoạn đầu, tiến tới opt-out mặc định), (iii) đồng thời, cần kết hợp với Hướng dẫn thực hành (Practice note) để giải thích quy tắc và hướng dẫn các bên, HĐTT dễ dàng hơn trong việc áp dụng trên thực tế, đặc biệt trong giai đoạn đầu khi chưa ban hành bộ quy tắc chứng cứ riêng mà mới chỉ quy định thẩm quyền đánh giá chứng cứ của HĐTT trong quy tắc tố tụng.

Việc soạn thảo Bộ Quy tắc Chứng cứ cần bao quát đầy đủ một số vấn đề chính như: nguyên tắc đánh giá chứng cứ, quy trình nộp và trao đổi tài liệu, quy định về nhân chứng và chuyên gia, thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, cơ chế loại trừ chứng cứ, bảo mật chứng cứ điện tử và tiêu chuẩn chứng minh. Một bộ quy tắc đầy đủ, rõ ràng sẽ tạo sự an tâm cho các bên, giảm thiểu khả năng phán quyết bị hủy, đồng thời nâng cao uy tín của VIAC cũng như các tổ chức trọng tài Việt nam trong khu vực và quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 373/2022/QĐ-PQTT của TAND TP Hồ Chí Minh ngày 30/3/2022
<https://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta1338201t1cvn/3732022PQTTmahoa.pdf>
2. Quyết định số 11/2019/QĐ-PQTT của TAND TP. Hà Nội ngày 14/11/2019,
<https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta428188t1cvn/chi-tiet-ban-an>
3. UNCITRAL, Model Law on International Commercial Arbitration (1985, sửa đổi 2006), art 19(2) https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-09955_e_ebook.pdf
4. UNCITRAL, Arbitration Rules (2013, amended), art 27.4
https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/21-07996_expedited-arbitration-e-ebook.pdf
5. SIAC, *Arbitral Award Checklist* (bản dịch ADR Vietnam Chambers, 2023)
https://www.academia.edu/129229897/DANH_S%C3%81CH_KI%E1%BB%82M_TRA_PH%C3%81N_QUY%E1%BA%BET_TR%E1%BB%8CNG_T%C3%80I_C%E1%BB%A6A_SIAC và bản gốc tiếng Anh <https://siac.org.sg/siac-award-checklist>
6. ICC Arbitration Commission, *Report on Managing E-Document Production* (2016)
<https://iccwbo.org/news-publications/arbitration-adr-rules-and-tools/icc-arbitration-commission-report-on-managing-e-document-production/>
7. ICC Arbitration Commission, *Report on Techniques for Controlling Time and Costs in Arbitration* (2018) <https://iccwbo.org/news-publications/arbitration-adr-rules-and-tools/icc-arbitration-commission-report-on-techniques-for-controlling-time-and-costs-in-arbitration/>
8. IBA, *Rules on the Taking of Evidence in International Arbitration* (2020)
<https://www.ibanet.org/MediaHandler?id=def0807b-9fec-43ef-b624-f2cb2af7cf7b>
9. IBA Task Force, *Consolidated Amendments: Evidence Obtained Illegally* (2021) 30
<https://www.ibanet.org/MediaHandler?id=4F797338-693E-47C7-A92A-1509790ECC9D>
10. Rules on the Efficient Conduct of Proceedings in International Arbitration (Prague Rules, 2018) <https://jusmundi.com/en/document/rule/en-rules-on-the-efficient-conduct-of-proceedings-in-international-arbitration-2018-pragues-rules-2018>

11. CIETAC, *Guidelines on Evidence* (2024) <https://www.cietac.org/en/articles/25113>
12. Quyết định số 1420/2019/QĐ-PQTT của TAND TP. Hồ Chí Minh ngày 16/10/2019, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta477440t1cvn/chi-tiet-ban-an>
13. SIAC, *Arbitration Rules* (2025), r 32.3
14. HKIAC, *Arbitration Rules* (2024), r 22.2
15. SIAC, *Practice Notes* <https://siac.org.sg/arbitration-siac-practice-notes>
16. HKIAC, *Practice Notes* <https://www.hkiac.org/arbitration/rules-practice-notes/practice-notes>
17. PCA, *Redfern Schedule* <https://pcacases.com/web/sendAttach/12168>
18. CIArb, *Guidelines on Witness Conferencing* (2019), bản dịch ADR Vietnam Chambers https://www.academia.edu/125929191/H%C6%AF%E1%BB%9ANG_D%E1%BA%AA_N_C%E1%BB%A6A_CIArb_V%E1%BB%80_PHI%C3%8AN_H%E1%BB%8CP_TH%E1%BA%A8M_V%E1%BA%A4N_%C4%90%E1%BB%92NG_TH%E1%BB%9CI_NH%C3%82N_CH%E1%BB%A8NG_WITNESS_CONFERENCING_N%C4%82M_2019?fbclid=IwY2xjawMbVWpleHRuA2FlbQIxMABicmlkETfPbjRJbHJTY3RnZHJSUkdGAR6nX0MxtELvWzfytdDd54A_mS-SW7MwFxZvBzo04LTpJLA5EA0B50hmFdrwwMA_aem_b1C9ENYKbcWB9RbDkNynQ
19. CIArb, *Guidelines on Witness Conferencing* (2019), văn bản gốc <https://www.ciarb.org/media/c54lce1z/13-witness-conferencing-april-2019.pdf>
20. Cornell Law School, ‘Weight of Evidence’ (Cornell Law School, undated) https://www.law.cornell.edu/wex/weight_of_evidence#:~:text=The%20weight%20of%20evidence%20refers,belief%2C%20rather%20than%20by%20mathematics.